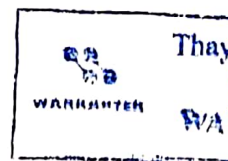


BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2306007827-8

Ngày/Date: 08/06/2023

Số đơn hàng/Job Order No.: 2306007827
Tên khách hàng/Client's name: CÔNG TY TNHH TÂY CÁT/TAY CAT COMPANY LIMITED
Địa chỉ/Address: 374A/6 ấp Tân Thạnh, Xã Phong Hòa, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp/374A/6 Tan Thanh Hamlet, Phong Hoa Commune, Lai Vung Town, Dong Thap Province
Thông tin mẫu/Sample information: ME CUỘN BÁNH PHÔNG/ TAMARIND ROLL
Số niêm phong/Seal No.: Không niêm/No seal
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu chứa trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu/Date of sample receipt: 03/06/2023
Ngày bắt đầu phân tích/Date of Analysis Commencement: 03/06/2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ANALYSIS RESULT(S)

[Xem trang kế/See next page(s)]

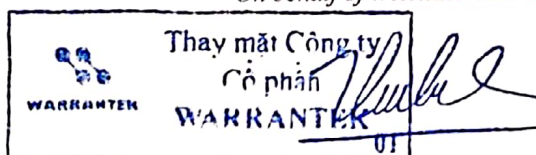
Ghi chú/ Notes:

(*)Màu được khảo sát trên các chuẩn màu sau/ The color is determined based on standard colors: Amaranth, Allura red, Brilliant black, Brilliant blue, Erythrosine, Fast green, Indigo carmine, Ponceau 4R, Tartrazine, Sunset yellow.

(*)Phương pháp được công nhận ISO/IEC 17025:2017 /ISO/IEC 17025:2017 accredited method.

- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/Sample information provided by clients.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/The analysis result(s) valid on tested sample only.
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần WARRANTEK/This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of WARRANTEK JSC.

Đại diện Công ty Cổ phần WARRANTEK
On behalf of WARRANTEK JSC

**LÊ NHƠN ĐỨC**

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2306007827-8
Ngày/Date: 08/06/2023

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
1	Cyclamate /Cyclamate	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected		20	WRT/TM/LC/01.41:2019 (*)
2	Màu sắc /Colour	-	Màu sắc đặc trưng của sản phẩm / Characteristic			WRT/TM/NC/01.40:2019
3	Mùi, vị /Odour & Taste	-	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ. / Characteristic, without unusual taste and odor.			WRT/TM/NC/01.40:2019
4	Hình dạng	-	Dạng cuộn, tròn. / Rolled-up cake			WRT/TM/NC/01.40:2019
5	Định tính phẩm màu hữu cơ tổng hợp tan trong nước /Qualitative test for Water soluble organic dyes ^(*)	%	Không phát hiện/ Not detected	0.1		TCVN 5517:1991
6	Độ ẩm /Moisture	%	10.26	0.05		TCVN 3700:1990
7	Cadimi (Cd) /Cadmium	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected		0.03	AOAC 2013.06 ^(*)
8	Chì (Pb) /Lead	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected		0.04	AOAC 2013.06 ^(*)
9	Saccharin /Saccharin	mg/kg	29.63		10	WRT/TM/LC/01.39:2019
10	Tổng vi sinh vật hiếu khí (30°C) /Total Plate Count (30°C)	CFU/g	2.1x10 ²			ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022 ^(*)
11	Coliforms /Coliforms	CFU/g	< 10			ISO 4832:2006 ^(*)
12	E. coli giả định /Presumptive E. coli	/g	Không phát hiện/ Not detected			ISO 7251:2005 ^(*)
13	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc /Total spores of yeast & mold	CFU/g	< 10			FDA/BAM CHAPTER 18:2001
14	Bacillus cereus giả định /Presumptive Bacillus cereus	CFU/g	< 10			ISO 7932:2004/ Amd 1:2020 ^(*)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2306007827-8

Ngày/Date: 08/06/2023

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
15	<i>Clostridium perfringens</i> / <i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	< 10			ISO 7937:2004(*)

Tổng số chỉ tiêu/Total testing parameters: 15

[Báo cáo kết thúc/End of report]

